



1115 Series — BÁNH XE LÒ XO (Loại phổ thông)

PU Bánh xe (Vòng cung đồ) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 200 × 50mm

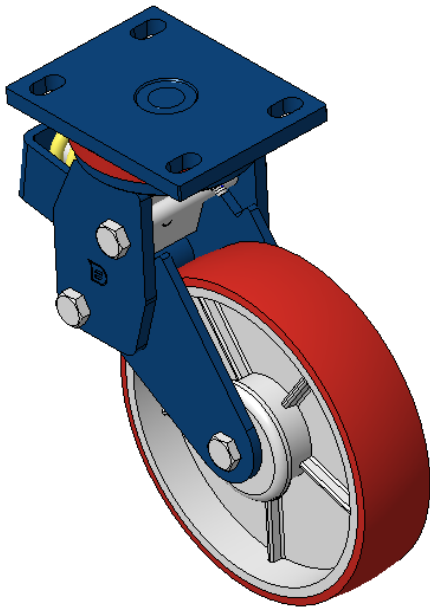
EAN

KS-11150800332561

Bánh xe lò xo với khung thép hàn  
Hoàn thiện sơn màu xanh, lắp đế, khoảng cách lỗ 110x75  
Lõi gang với gai polyurethane chất lượng cao, phay màu đỏ  
Vòng bi bánh xe—vòng bi chính xác

Mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: lõi sắt/lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

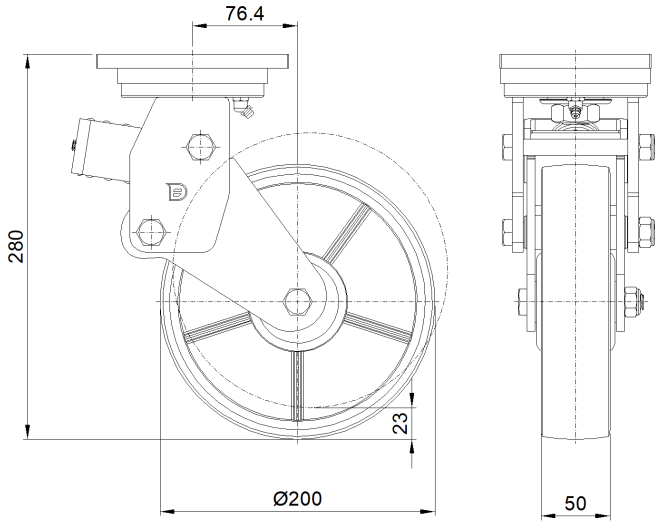
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 200mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 50mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 140 x 110mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 110x75mm                    |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 22 x 13mm                   |
| Độ lệch tâm                                                               | 76.4mm                      |
| Sự can thiệp quay                                                         | 364mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 280mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 182mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 92±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 300kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 450kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +70°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 8.15kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

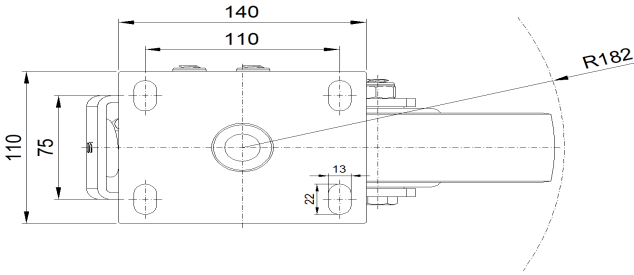
Tổng quan ưu điểm

|                      |                                                                                                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ di chuyển mượt mà | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/>            |
| Chế độ im lặng       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| Bảo vệ mặt sàn       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét